TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/DS-ST

Ngày: 11-12-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1983; thường trú tại: Tổ 4, khu phố 3A, xã H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn H , sinh năm 1979; thường trú tại: Ô 3, Lô J54, DE1 đường Mỹ Phước Tân Vạn, tổ 13, khu phố 3B, xã H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1988; thường trú tại: Tổ 4, khu phố 3A, xã H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Trần Thị H , sinh năm 1987; thường trú tại: Ô 3, Lô J54, DE1 đường Mỹ Phước Tân Vạn, tổ 13, khu phố 3B, xã H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng ông H quen biết nhau. Do cần tiền đầu tư kinh doanh mua bán đất, vào khoảng tháng 8/2022 ông H có vay của ông số tiền 700.000.000 đồng, có lập giấy nợ. Đến dịp tết nguyên đán năm 2022, ông H có trả cho ông 200.000.000 đồng tiền gốc, giấy nợ cũ hủy bỏ, giữa ông với ông H lập lại giấy nợ mới vào ngày 09/02/2023 với số tiền nợ là 500.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng. Sau khi vay, tiền lãi của tháng 3 và tháng 4/2023 ông H không trả, đến ngày 11/6/2023 vợ ông H là bà Trần Thị H , có chuyển khoản vào số tài khoản của vợ ông là bà Võ Thị Thanh H với số tiền 10.000.000 đồng, để trả tiền lãi của tháng 5/2023; từ tháng 6/2023 cho đến nay ông H không trả thêm khoản tiền lãi nào cho ông; về tiền gốc ông H chưa thanh toán.

Khi vay, ông H không có thế chấp tài sản gì cho ông. Khi giao dịch vay tiền của ông, ông H là người trực tiếp giao dịch với ông, nhưng vợ ông Hạnh có biết và trực tiếp chuyển tiền lãi trả cho ông.

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023, ông khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Vũ Văn H trả cho ông số tiền 530.000.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền vay gốc; 30.000.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện với mức lãi 1% .

Tại Đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/10/2023 và nay ông thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Buộc ông Vũ Văn H h và vợ ông Hạnh là bà Trần Thị H trả cho ông số tiền vay gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi vay của các tháng 3, 4 năm 2023 và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), thành tiền là: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng = 66.000.000 đồng. Tổng tiền gốc, lãi là: 566.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Vũ Văn Hạnh trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng ông V là chỗ quen biết nhau. Do cần tiền đầu tư kinh doanh mua bán đất, vào khoảng tháng 8/2022 ông có vay của ông Vang số tiền 700.000.000 đồng, có lập giấy nợ. Đến dịp tết nguyên đán năm 2022, ông có trả cho ông 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, số tiền lãi cụ thể ông không

nhớ rõ, giấy nợ cũ hủy bỏ, giữa ông với ông V lập lại giấy nợ mới vào ngày 09/02/2023 với số tiền nợ là 500.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng. Sau khi vay, tiền lãi của tháng 3, 4/2023 ông không trả, đến ngày 11/6/2023 vợ ông là bà Trần Thị H , có chuyển khoản vào số tài khoản của vợ ông Vang là bà Võ Thị Thanh H với số tiền 10.000.000 đồng, để trả tiền lãi của tháng 5/2023; từ tháng 6/2023 cho đến nay ông không trả thêm khoản tiền lãi nào cho ông V ; về tiền gốc ông chưa thanh toán cho ông V .

Khi vay, ông không có thế chấp tài sản gì cho ông V . Khi giao dịch vay tiền của ông V , ông là người trực tiếp giao dịch với ông V , nhưng vợ ông có biết và trực tiếp chuyển tiền trả cho ông V tiền lãi.

Nay ông đồng ý cùng vợ là bà Trần Thị H trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi vay của các tháng 3, 4 năm 2023 và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), thành tiền là: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng = 66.000.000 đồng. Tổng tiền gốc, lãi là: 566.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi ông đã trả cho ông V , ông không yêu cầu khấu trừ phần tiền lãi vượt mức quy định.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh H trình bày:

Bà là vợ của ông V , số tiền 500.000.000 đồng ông V dùng để cho vợ chồng ông H vay là tiền chung của bà và ông Vang. Nay bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông V . Bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H , nhưng bà H không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà H .

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ; trình bày như sau: Ông V yêu cầu ông Vũ Văn H và vợ ông H là bà Trần Thị H trả cho ông V số tiền gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi vay của các tháng 3, 4 năm 2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), thành tiền là: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng = 66.000.000 đồng. Tổng tiền gốc, lãi là: 566.000.000 đồng.

Bị đơn ông Vũ Văn H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ; trình bày như sau: Ông H đồng ý cùng bà Trần Thị H trả cho ông V số tiền gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi vay của các tháng 3, 4 năm 2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), thành tiền là: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng = 66.000.000 đồng. Tổng tiền gốc, lãi là: 566.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V đối với bị đơn ông Vũ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H , trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà Hạnh, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H .

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Vũ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H về tiền vay gốc và tiền lãi:

2.1 Về tiền vay gốc:

Ông Vang yêu cầu ông Vũ Văn H và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông V số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, ông Hạnh thừa nhận có vay số tiền 500.000.000 đồng của ông V và đồng ý trả cho ông V số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của ông V buộc bà Trần Thị H cùng có nghĩa vụ thanh toán tiền số tiền gốc nêu trên; xét thấy, ngày 20/10/2023 Tòa án có Quyết định số 60/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu bà Trần Thị H cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà H không có ý

kiến. Đồng thời, lời khai của ông H trong quá trình tố tụng xác định mục đích vay tiền là để kinh doanh, không để chi tiêu cá nhân và việc ông H vay tiền của ông V , bà Trần Thị H có biết và có chuyển khoản trả tiền lãi cho ông Vang thông qua số tài khoản của bà Võ Thị Thanh H . Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, cần buộc ông H và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền vay gốc 500.000.000 đồng.

2.2 Về yêu cầu tính lãi của ông V đối với số tiền vay gốc 500.000.000 đồng:

Ông Vang yêu cầu ông H và bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi vay của các tháng 3, 4 năm 2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), thành tiền là: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng = 66.000.000 đồng, ông H đồng ý. Xét thấy, Giấy vay tiền 09/02/2023 ký kết giữa ông V với ông H là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông V yêu cầu ông H , bà Trần Thị H thanh toán tiền lãi của các tháng 3, 4 năm 2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) và tiền lãi từ tháng 6/2023 cho đến tháng 11/2023 (tính 01 tháng là 30 ngày, kể từ ngày 9) với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi được tính thành tiền là 66.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc, lãi ông H , bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông V là 566.000.000 đồng, gồm: 500.000.000 đồng tiền gốc và 66.000.000 đồng tiền lãi.

[3] Về án phí:

Ông H và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là 26.640.000 đồng.

Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phi dân sự sơ thẩm ông V đã nộp.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm, về nội dung vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 39, 144, 147; Điều 228; các Điều 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V đối với bị đơn ông Vũ Văn H ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Vũ Văn H , bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 566.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu) đồng, gồm: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng tiền gốc và 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng tiền lãi.

Kể từ khi Bản có có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Văn H, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ với số tiền là 26.640.000 (hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phi dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn V đã nộp là 1.350.000 (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu số AA/2021/0012151 ngày 18/8/2023 và Biên lai thu số AA/2021/00124351 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bình Dương;
VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA;VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng